

Điều 33. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

Điều 35. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 về việc ban hành Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội Khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội Khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý

đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUY ĐỊNH về bồi thường, di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La

(ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng và thời điểm áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường thiệt hại, di dân, tái định cư từ lòng hồ và mặt bằng công trường phục vụ cho việc thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng tại Quy định này là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất và thiệt hại tài sản, cụ thể như sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại tài sản trên đất phải di chuyển đến nơi ở mới.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi một phần đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và

cộng đồng dân cư sở tại bị thu hồi đất sản xuất, đất ở và thiệt hại về tài sản trên đất khi thực hiện tái định cư.

3. Thời điểm áp dụng là thời điểm tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các đối tượng phát sinh sau thời điểm trên đến khi có quyết định thu hồi đất nếu là hộ hợp pháp được Ủy ban nhân dân xã xác nhận và Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì được áp dụng Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng dự án thủy điện Sơn La* là vùng ngập lòng hồ, tổng mặt bằng công trường khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

2. *Đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp* là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại về đất đai, nhà ở, hoa màu và tài sản khác, cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

3. *Đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp* là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị ảnh hưởng về cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

4. *Hộ tái định cư* là hộ gia đình hoặc hộ độc thân và tổ chức nằm trong vùng dự án thủy điện Sơn La bị ảnh hưởng trực tiếp phải di chuyển đến nơi ở mới.

5. *Hộ sở tại* là hộ dân trong địa bàn xã có tiếp nhận dân tái định cư.

6. *Nơi đi* là địa phương thuộc vùng dự án thủy điện Sơn La có hộ tái định cư phải di chuyển.

7. *Nơi đến* là địa phương tiếp nhận hộ tái định cư.

8. *Hộ tái định cư tập trung* là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở một nơi mới tạo thành điểm dân cư mới.

9. *Hộ tái định cư xen ghép* là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở xen ghép với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư đã có trước.

10. *Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển* là hộ di chuyển không theo quy hoạch tái định cư mà tự thu xếp nơi ở mới.

11. *Điểm tái định cư* là điểm dân cư được xây dựng theo quy hoạch bao gồm: đất ở, đất sản xuất, đất chuyên dùng, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng để bố trí dân tái định cư.

12. *Khu tái định cư* là địa bàn được quy hoạch để bố trí các điểm tái định cư, hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, vùng sản xuất. Trong khu tái định cư có ít nhất một điểm tái định cư.

13. *Vùng tái định cư* là địa bàn các huyện, thị xã được quy hoạch để tiếp nhận dân tái định cư. Trong vùng tái định cư có ít nhất một khu tái định cư.

14. *Tổng mặt bằng công trường* là diện tích đất được sử dụng để xây dựng công

trình chính, các hạng mục công trình phụ trợ, công trình công cộng, khu nhà ở công nhân, các mỏ vật liệu... phục vụ thi công dự án thủy điện Sơn La được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Phạm vi bồi thường thiệt hại và hỗ trợ di dân, tái định cư

1. Bồi thường thiệt hại về đất cho toàn bộ diện tích đất thu hồi của vùng dự án thủy điện Sơn La, mặt bằng xây dựng khu tái định cư và các công trình, hạng mục công trình liên quan đến xây dựng khu tái định cư.

2. Bồi thường thiệt hại về tài sản hiện có gồm: nhà, vật kiến trúc và các tài sản khác gắn liền với đất; các công trình văn hóa: đình chùa, miếu, nhà thờ, nhà thờ họ...

3. Bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi trên đất hoặc trên đất có mặt nước.

4. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, công trình phục vụ đời sống và sản xuất tại khu tái định cư, điểm tái định cư theo dự án.

5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại nơi có hộ tái định cư xen ghép.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ tái định cư.

7. Hỗ trợ chi phí chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo lại nghề nghiệp cho lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp.

8. Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc tổ

chức thực hiện bồi thường, di dân giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư.

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại, di dân, tái định cư

1. Đảm bảo người dân tái định cư ổn định được chỗ ở, cuộc sống, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cuộc sống vật chất và văn hóa tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, bền vững góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

2. Đảm bảo hài hòa lợi ích người dân tái định cư với người dân sở tại.

3. Bố trí đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư, ưu tiên bố trí đủ đất sản xuất lương thực.

4. Việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dân tái định cư phải thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Điều 5. Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ di dân, tái định cư

1. Nguồn vốn bồi thường, di dân, tái định cư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Mức vốn bố trí từ nguồn vốn trên được xác định chính thức sau khi phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân tái định cư nhưng không vượt mức vốn đã được phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn vốn nêu trên được sử dụng để bồi thường thiệt hại về đất đai, nhà ở, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác; hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống; đầu tư và hỗ trợ sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp; đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại điểm tái định cư.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu, dự án khác trên địa bàn với dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La như: đầu tư hệ thống đường giao thông, xây dựng đô thị mới, dự án trồng mới 5 triệu héc ta rừng, chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm, kiên cố hóa trường học...

3. Nguồn vốn khác:

Vốn góp và công sức lao động của người dân tham gia vào đầu tư sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng.

Vốn góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho dự án bồi thường di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

Chương II

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ ĐẤT

Điều 6. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về đất

1. Đất đã có chủ sử dụng hợp pháp bị thu hồi để thực hiện dự án thủy điện Sơn La được bồi thường thiệt hại bằng đất hoặc bằng tiền theo giá trị thay thế.

2. Diện tích đất mới khai hoang phục hóa chưa đăng ký với Nhà nước không được bồi thường thiệt hại về đất, nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư khai hoang phục hóa đất, mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Diện tích đất được khai hoang bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án thì không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ một phần chi phí khai hoang nếu đất đó đã được cấp có thẩm quyền giao cho hộ và cá nhân sử dụng lâu dài. Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 7. Điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất

Điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất của các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 1 của Quy định này như sau:

1. Có các giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

3. Có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Có giấy tờ thanh lý, hóa giá, mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước cùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật hoặc quyết định giao nhà ở hoặc cấp nhà ở gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước của cấp có thẩm quyền.

5. Bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực về giải quyết tranh chấp đất đai.

6. Trường hợp không có giấy tờ theo quy định từ các khoản 1 đến khoản 5 Điều này, người có đất bị thu hồi được bồi thường thiệt hại khi chứng minh được đất bị thu hồi là đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 (thời điểm Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành) và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp.

7. Đất được khai hoang để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 (thời điểm Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành), liên tục sử dụng cho đến khi thu hồi đất, không có tranh chấp và làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

8. Người nhận chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc nhà nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ.

Trong các trường hợp nêu tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều này mà đất thu hồi có tranh chấp thì vẫn được bồi thường, nhưng số tiền bồi thường được chuyển vào Kho bạc Nhà nước tạm giữ; khi có quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì số tiền đó được trả cho người có quyền sử dụng đất theo quyết định xử lý tranh chấp.

Điều 8. Trường hợp không được bồi thường về đất

1. Người có đất bị thu hồi không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 trên đây thì khi Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Khi phải di chuyển thì tùy theo quỹ đất của nơi đến được xem xét bố trí đất.

2. Trường hợp đất đang sử dụng là đất giao để sử dụng tạm thời, đất cho thuê, đất đấu thầu thì khi thu hồi đất, người sử dụng đất không được bồi thường thiệt hại về đất nhưng được bồi thường chi phí đã đầu tư vào đất và khi di chuyển được bố trí đất tùy theo quỹ đất của nơi đến.

Điều 9. Diện tích, giá đất tính bồi thường

1. Diện tích đất tính bồi thường:

a) Trường hợp người có đất bị thu hồi có giấy tờ hợp pháp xác định được diện tích sử dụng, đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất thì được tính bồi thường theo diện tích đất bị thu hồi.

b) Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy hoạch và hạn mức giao đất của địa phương để quy định diện tích đất làm cơ sở tính bồi thường thiệt hại.

2. Giá đất tính bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi

1. Việc bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi theo các hình thức:

- Giao đất tại điểm tái định cư, khu tái định cư tập trung hoặc xen ghép.

- Cấp tiền cho hộ tái định cư tự nguyện di chuyển để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi đến.

2. Hộ di chuyển đến điểm tái định cư tập trung:

a) Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư ở nông thôn: được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản và đất chuyên dụng (nếu có) theo quy hoạch điểm tái định cư được duyệt và theo quỹ đất của điểm tái định cư.

b) Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư ở đô thị: được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở và đất chuyên dụng (nếu có) theo quỹ đất của điểm tái định cư.

Trường hợp điểm tái định cư theo quy hoạch được duyệt có xây dựng nhà chung cư thì các hộ tái định cư được bồi thường bằng việc bố trí diện tích nhà ở chung cư tại điểm tái định cư đó.

c) Chênh lệch giá trị đất nơi đi và nơi đến.

Nếu giá trị đất được giao thấp hơn giá trị đất bị thu hồi thì hộ được bồi thường phần giá trị chênh lệch; nếu giá trị đất được giao cao hơn giá trị đất bị thu hồi thì hộ không phải nộp bù phần giá trị chênh lệch đó.

3. Hộ đến điểm tái định cư xen ghép

Đối với hộ đến điểm tái định cư xen ghép (áp dụng ở nông thôn) được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản và đất chuyên dụng khác (nếu có) phù hợp với quỹ đất của điểm tái định cư xen ghép nhưng tối thiểu đảm bảo diện tích đất cho mỗi hộ tái định cư tương đương với mức trung bình của hộ sở tại.

4. Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển

Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển phải viết đơn xin tự di chuyển được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã nơi đi, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện nơi đi phê duyệt, được đồng ý tiếp nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi đến, trong đó đảm bảo bố trí được đất ở, đất sản xuất cho hộ tái định cư như đối với hộ tái định cư xen ghép quy định tại khoản 3 Điều này, nếu đủ điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy định này thì được bồi thường thiệt hại về đất bằng tiền theo giá đất tính bồi thường thiệt hại của từng loại đất bị thu hồi để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi mới.

5. Các trường hợp khác

a) Đối với đất bán ngập:

Đất bán ngập trong lòng hồ hình thành sau khi tạo thành hồ chứa thuộc quỹ đất chung do xã quản lý, sử dụng.

b) Đối với hộ bị ảnh hưởng không phải di chuyển:

Việc bồi thường thiệt hại về đất cho hộ bị ảnh hưởng không phải di chuyển áp dụng theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này. Hộ sử dụng kinh phí được bồi thường để khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích hoặc để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ dân khác tại địa phương.

c) Đối với các hộ dân sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư được bồi thường theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Quy định này.

Chương III

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN

Điều 11. Bồi thường về nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc kèm theo nhà ở đối với các hộ đến điểm tái định cư tập trung và xen ghép

1. Việc bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ đối với hộ đến điểm tái định cư tập trung và xen ghép theo các hình thức:

- Chủ đầu tư xây dựng và cấp cho hộ tái định cư.
- Cấp tiền cho hộ tái định cư tự tổ chức xây dựng.
- Chủ đầu tư cùng hộ tái định cư xây dựng.

2. Nhà ở và công trình phụ của hộ tái định cư tập trung ở nông thôn có đủ điều kiện bồi thường được thực hiện như sau:

a) Hộ tái định cư có yêu cầu nhận nhà ở và công trình phụ mới tại điểm tái định cư tập trung.

Chủ đầu tư xây dựng và giao nhà ở, công trình phụ cho hộ. Mức diện tích và kết cấu nhà ở, công trình phụ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

b) Hộ tái định cư tự xây dựng nhà ở, công trình phụ tại điểm tái định cư tập trung:

- Nhà ở và công trình phụ do các hộ tự xây dựng phải theo quy hoạch của điểm tái định cư.

Hộ tự xây dựng nhà ở và công trình phụ được nhận bồi thường nhà ở bằng giá trị nhà ở xây dựng mới tại điểm tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này để xây dựng và không phải nộp các khoản thuế về việc xây dựng này.

- Trường hợp hộ tái định cư muốn tháo dỡ, di chuyển nhà ở tại nơi ở cũ đến điểm tái định cư để xây dựng lại thì vẫn được bồi thường nhà ở như hộ tự xây dựng nhà ở nêu trên.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ xây dựng nhà ở trong trường hợp hộ dân tự xây dựng.

c) Chủ đầu tư cùng hộ tái định cư xây dựng nhà ở, công trình phụ tại điểm tái định cư tập trung: giá trị bồi thường nhà ở cho hộ tái định cư bằng giá trị nhà ở xây dựng mới tại điểm tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Chủ đầu tư và hộ tái định cư thỏa thuận

khối lượng và giá trị xây dựng giao cho mỗi bên trên cơ sở đảm bảo chất lượng, tiến độ và khả năng thực hiện. Phần giá trị khối lượng xây dựng do hộ tái định cư đảm nhận không phải nộp các khoản thuế.

d) Hộ tái định cư có nhu cầu làm nhà ở, công trình phụ có kết cấu, diện tích vượt mức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này làm tăng giá trị nhà ở, công trình phụ thì hộ phải bù thêm phần giá trị chênh lệch.

đ) Trường hợp giá trị nhà ở tại nơi ở cũ lớn hơn giá trị nhà được cấp tại điểm tái định cư thì hộ tái định cư được bồi thường bằng tiền cho phần giá trị chênh lệch đó tính theo giá xây mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà cũ.

Trường hợp giá trị nhà ở tại nơi ở cũ nhỏ hơn giá trị nhà được cấp tại điểm tái định cư thì hộ tái định cư không phải bù phần giá trị chênh lệch đó.

3. Mức diện tích nhà ở (cả bếp) tại khu tái định cư: được tính theo nhân khẩu hợp pháp tại thời điểm xây dựng phương án đền bù, di dân tái định cư, cụ thể như sau:

Thứ tự	Loại hộ	Diện tích nhà và bếp (m ² sàn)	
		Nhà sàn	Nhà trệt
1	Hộ độc thân		40
2	Hộ 2 - 4 người	50	60
3	Hộ 5 - 7 người	70	80
4	Hộ 8 người trở lên	90	100

Mức diện tích trên đây bao gồm: diện tích ở, bếp, hiên, hành lang và ban công, cầu thang (đối với nhà sàn).

4. Kết cấu nhà ở:

a) Nhà ở chia thành hai loại: nhà sàn và nhà trệt được thiết kế với một số mẫu khác nhau nhưng có giá trị tương đương nhau, thiết kế theo hình dáng kiến trúc và bố trí mặt bằng nhà phù hợp với truyền thống của các dân tộc, có sự góp ý của đồng bào tái định cư và phù hợp với nếp sống mới.

b) Nhà sàn có kết cấu: khung cột bê tông cốt thép, vì kèo thép, tường xây gạch 110 mm, mái ngói hoặc tấm lợp, sàn bê tông cốt thép lán xi măng, cầu thang chính xây gạch hoặc bê tông, sắt; cầu thang phụ (nếu có) bằng gỗ hoặc sắt, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ kính, nhôm kính; các kết cấu trong nhà sử dụng gỗ nhóm 4 hoặc sử dụng vật liệu thay thế có giá trị tương đương.

c) Nhà trệt: nhà có tường gạch 110 mm, mái ngói hoặc tấm lợp, nền lát gạch hoa, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ - kính hoặc nhôm kính, hiên tây bằng bê tông cốt thép. Các kết cấu trong nhà sử dụng gỗ nhóm 4 hoặc sử dụng vật liệu thay thế tương đương.

d) Các hạng mục công trình khác kèm theo nhà ở:

- Điện trong nhà: lắp mỗi hộ tối đa không quá 5 bóng đèn tròn, công tơ, hộp đựng công tơ, dây điện đơn đi nổi trong ống gen nhựa, cầu dao, cầu chì.

- Một nhà xí 2 ngăn và một nhà tắm xây bằng gạch có mái che lợp ngói hoặc tấm lợp, nền láng vữa xi măng.

- Một sân phơi trên nền đất diện tích 20 m² láng vữa xi măng hoặc lát gạch đỏ.

5. Nhà ở xây dựng trên đất không được bồi thường:

Nhà ở xây dựng trên đất không được bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Quy định này mà trước thời điểm xây dựng đã có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thì không được bồi thường.

6. Đối với vật kiến trúc:

a) Bồi thường đối với vật kiến trúc gắn liền với đất của hộ tái định cư không được xây dựng tại điểm tái định cư. Mức bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của vật kiến trúc đó có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo đơn giá xây dựng cơ bản của tỉnh.

b) Vật kiến trúc xây dựng trên đất không được bồi thường quy định tại Điều 8 của Quy định này thì việc bồi thường áp dụng tương tự như quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Hộ tái định cư xen ghép được bồi thường nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc theo quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều này.

8. Hộ tái định cư di chuyển đến điểm tái định cư đô thị:

- Đối với điểm tái định cư đô thị theo

quy hoạch được duyệt không xây dựng nhà chung cư thì việc bồi thường nhà ở, công trình phụ áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều này.

- Đối với điểm tái định cư theo quy hoạch được duyệt có xây dựng nhà chung cư thì các hộ tái định cư được cấp nhà ở theo các căn hộ. Diện tích nhà được cấp cho mỗi hộ căn cứ theo số nhân khẩu hợp pháp hiện có và tiêu chuẩn nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

9. Bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc đối với hộ sở tại:

Hộ sở tại ở khu tái định cư nếu bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, phải di chuyển cũng được bồi thường như đối với hộ tái định cư quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều này.

Điều 12. Bồi thường nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc đối với hộ tái định cư tự nguyện di chuyển

1. Hộ tái định cư tự nguyện di chuyển không đến nơi tái định cư, có đủ điều kiện được di chuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Quy định này thì được bồi thường nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc bằng tiền.

2. Mức bồi thường nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc khác áp dụng như sau:

- Hộ tự nguyện di chuyển ở nông thôn được bồi thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 và khoản 5, khoản 6 Điều 11 của Quy định này.

- Hộ tự nguyện di chuyển ở đô thị được bồi thường theo quy định tại khoản 8 Điều 11 của Quy định này.

Điều 13. Bồi thường cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, các công trình văn hóa, di tích lịch sử

1. Công trình công cộng được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại nhưng không có nhu cầu xây dựng lại tại nơi tái định cư thì không phải bồi thường.

2. Bồi thường thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng:

a) Đối với các thôn, bản, cụm dân cư đô thị không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị mất toàn bộ hay một số công trình công cộng thì được bồi thường với giá trị tương đương để xây dựng công trình đó.

b) Đối với các thôn, bản, cụm dân cư đô thị không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị thiệt hại một phần hoặc toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thì được xem xét đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới cơ sở hạ tầng bảo đảm phục vụ sản xuất và đời sống đối với cộng đồng dân cư còn lại.

3. Bồi thường thiệt hại đối với công trình văn hóa, di tích lịch sử:

Đối với công trình văn hóa, đình chùa, nhà thờ, nhà thờ dòng họ, di tích lịch sử phải có phương án bảo tồn; trong trường hợp phải bồi thường thiệt hại thì do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định đối với công

trình do Trung ương quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với công trình do địa phương quản lý.

Điều 14. Bồi thường cây trồng, vật nuôi

1. Cây hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước:

Mức bồi thường thiệt hại đối với cây hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước được tính bằng giá trị sản lượng thu hoạch trong 1 năm theo năng suất bình quân của 3 năm trước đó và mức giá trung bình của nông sản, thủy sản cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.

2. Cây lâu năm:

a) Đối với cây chưa cho thu hoạch:

Mức bồi thường tính bằng tổng chi phí đầu tư gồm cả công chăm sóc tính đến thời điểm phương án bồi thường, di dân tái định cư được duyệt.

b) Đối với cây đang cho thu hoạch:

Mức bồi thường tính bằng giá trị hiện có của cây (không bao gồm giá trị đất) tại thời điểm phương án bồi thường, di dân tái định cư được duyệt theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Sau khi nhận bồi thường, hộ tiếp tục được thu hoạch sản phẩm cho đến khi có quyết định thu hồi đất.

3. Rừng trồng:

a) Hộ được giao đất và tự bỏ vốn trồng rừng: mức bồi thường thiệt hại rừng

trồng được tính bằng diện tích trồng nhân với (x) đơn giá trồng cộng với (+) chi phí đầu tư chăm sóc, bảo vệ rừng từ khi trồng đến thời điểm phương án bồi thường được duyệt.

b) Hộ trồng, chăm sóc rừng cho doanh nghiệp:

- Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách được bồi thường phần công trồng, chăm sóc chưa được trả.

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng sản xuất: bồi thường cho doanh nghiệp để hoàn trả tổ chức cho vay và công trồng, chăm sóc của các hộ chưa được trả. Mức bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Sau khi nhận bồi thường, hộ tiếp tục được thu hoạch sản phẩm từ rừng cho đến khi có quyết định thu hồi đất.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại về tài sản cho tổ chức

Bồi thường tài sản cho tổ chức theo giá trị đầu tư mới tài sản đó tại thời điểm bồi thường.

Chương IV

XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 16. Giao đất khu tái định cư

1. Đất ở:

a) Hộ tái định cư có nơi đến ở nông thôn được giao diện tích đất ở tại khu tái

định cư từ 200 m² - 400 m²/hộ. Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì giao mức cao hơn.

Hộ tái định cư có nơi đến ở đô thị được giao 01 lô đất ở, diện tích lô đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Trường hợp nơi đến ở đô thị có quy hoạch xây dựng nhà chung cư thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

b) Việc bố trí đất ở tại khu tái định cư theo nguyên tắc:

Khoảng cách giữa các nhà ở phù hợp với điều kiện tự nhiên, giữ được cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Đất vườn: ngoài diện tích đất để ở, hộ tái định cư có thể được xem xét cấp đất vườn tùy theo quỹ đất của từng khu tái định cư.

3. Đất sản xuất:

Đất sản xuất lương thực và cây công nghiệp giao cho mỗi hộ từ 1 ha trở lên. Phải ưu tiên bố trí diện tích đất trồng lúa nước để hộ tái định cư tự túc được lương thực sau khi hết thời gian được hỗ trợ lương thực quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy định này.

Đất lâm nghiệp và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản được giao theo quỹ đất từng khu tái định cư tập trung hoặc xen ghép.

Mức giao đất cụ thể được xác định trong dự án tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 17. Xây dựng công trình công cộng khu tái định cư tập trung nông thôn

1. Nguyên tắc chung:

a) Quy mô công trình: được tính toán theo quy mô dân cư tại khu tái định cư có tính đến dân số tại.

Trường hợp điểm tái định cư có số hộ nhỏ hơn 30 hộ và cách điểm dân cư của dân số tại dưới 1 km thì được xem xét đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp các công trình đã có nhằm đáp ứng nhu cầu chung cho cả dân tái định cư và dân số tại.

b) Kết cấu công trình:

- Nhà thuộc công trình công cộng của khu tái định cư được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp III với kết cấu từ 1 tầng đến 2 tầng, tường gạch, mái ngói hoặc mái bằng, nền bê tông gạch vỡ, mặt nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch men, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ kính, nhôm kính.

- Xây dựng nhà công cộng phải xây kèm theo các công trình phụ phù hợp với quy mô công trình chính, gồm: nhà công vụ cho giáo viên (nếu có nhu cầu), nhà bán trú cho học sinh đối với trung học cơ sở và trung học phổ thông, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cống, hàng rào, cột cờ.

c) Thiết bị: thiết bị bên trong công trình được lắp đặt theo thiết kế cụ thể của từng loại công trình và sử dụng thiết bị sản xuất tại Việt Nam.

2. Xây dựng công trình tại khu tái định cư tập trung:

a) Nhà trẻ, mẫu giáo:

- Các lớp nhà trẻ, mẫu giáo được tính cho việc gửi trẻ cả ngày.

- Nhà trẻ, mẫu giáo được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế “Nhà trẻ, trường mẫu giáo” - TCVN 3907-1984.

- Nếu số cháu trong độ tuổi tại điểm tái định cư nhỏ hơn quy mô một lớp thì tại điểm dân cư đó cũng được xây dựng một lớp nhà trẻ kết hợp mẫu giáo theo tiêu chuẩn nêu trên.

b) Lớp học bậc tiểu học:

- Số lượng các lớp tiểu học được tính cho việc bố trí học sinh học cả ngày.

- Đối với những điểm dân cư nhỏ có từ 15 hộ trở lên nằm biệt lập, số học sinh không đủ cho việc hình thành 1 lớp thì cũng được xây dựng 1 lớp học theo quy mô quy định tại điểm c khoản 2 của Điều này.

- Nếu tại nơi đến đã có trường học đủ điều kiện học tập bố trí cho học sinh của điểm tái định cư thì không xây dựng lớp học riêng cho điểm tái định cư; có thể xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cho việc mở rộng hoặc nâng cấp trường học đó nếu thấy cần thiết. Kinh phí hỗ trợ cho việc mở rộng hay nâng cấp trường học không được vượt kinh phí xây dựng mới lớp học ở điểm tái định cư.

c) Lớp học bậc phổ thông trung học cơ sở:

- Số lượng lớp học phổ thông trung học cơ sở được tính cho học sinh học cả ngày.

- Đối với khu tái định cư có số học sinh trung học cơ sở lớn hơn 5 lớp thì được đầu tư xây dựng trường học mới tại nơi tái định cư theo tiêu chuẩn thiết kế "Trường học phổ thông" TCVN 3978-1984.

- Đối với những điểm tái định cư có số học sinh bậc phổ thông trung học cơ sở nhỏ hơn quy mô 5 lớp thì bố trí học tại trường tập trung của xã hoặc thôn, bản sở tại. Các trường đó sẽ được hỗ trợ kinh phí mở rộng hoặc nâng cấp nếu thấy cần thiết. Kinh phí hỗ trợ không được vượt kinh phí xây dựng mới trường học ở điểm tái định cư tính theo quy mô học sinh của điểm tái định cư. Quy mô xây dựng cụ thể như sau:

Quy mô 1 lớp: 1 phòng học, 1 phòng phụ.

Quy mô 2 lớp: 2 phòng học, 1 phòng phụ.

Quy mô 3 lớp: 3 phòng học, 2 phòng phụ.

Quy mô 4 lớp: 4 phòng học, 2 phòng phụ.

Diện tích phòng học từ 55 m² - 60 m², diện tích phòng phụ từ 20 m² - 25 m².

d) Trạm xá khu tái định cư:

- Đối với khu tái định cư có chức năng là trung tâm xã và tại đó chưa có trạm y tế đạt tiêu chuẩn thì được đầu tư xây dựng trạm xá với quy mô theo tiêu

chuẩn thiết kế "Quy hoạch xây dựng điểm dân cư ở xã, hợp tác xã" TCVN 4454-1987. Thiết bị y tế chuyên dùng trang bị cho trạm xá được đầu tư theo tiêu chuẩn ngành Y tế Việt Nam.

- Đối với khu tái định cư độc lập không phải là trung tâm xã thì được đầu tư một tủ thuốc theo quy mô dân cư và được đào tạo một y tế viên. Mức chi phí tủ thuốc thông thường tính bằng 200.000 đồng/hộ chia làm 2 năm.

đ) Nhà văn hóa khu tái định cư:

- Điểm tái định cư có số hộ tái định cư lớn hơn 30 hộ, được đầu tư xây dựng 01 nhà văn hóa thôn, bản cụ thể theo quy mô:

Từ 30 - 50 hộ: 60 m²

Trên 50 hộ: 100 m²

- Trang thiết bị cho nhà văn hóa gồm điện chiếu sáng, quạt trần: 1 - 2 cái, bàn ghế.

e) Sân thể thao:

Đối với các khu tái định cư độc lập không phải là trung tâm xã có số hộ từ 50 hộ trở lên, nếu có quỹ đất thì được bố trí đất làm sân thể thao. Sân thể thao có thể bố trí trong khuôn viên nhà văn hóa hoặc ngoài khuôn viên nhà văn hóa.

Chi phí đầu tư sân thể thao là chi phí san nền.

g) Nơi họp chợ:

Khu tái định cư có số hộ từ 100 hộ trở lên và cách điểm dân cư khác trong vòng

3 km - 5 km không có chợ thì được dành đất để làm nơi họp chợ.

Chi phí đầu tư là chi phí san nền.

Điều 18. Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung nông thôn và khu đô thị mới

1. San nền: thực hiện san nền để xây dựng nhà ở theo quy hoạch nhà ở điểm tái định cư.

2. Thủy lợi và giao thông, điện, nước:

a) Thủy lợi: căn cứ vào tình hình cụ thể tại khu tái định cư mà quyết định xây mới hoặc nâng cấp các công trình thủy lợi theo quy hoạch nhằm khai thác hiệu quả tối đa đất sản xuất nông nghiệp. Khi thiết kế quy mô công trình phải xem xét đến việc điều tiết nước cho sản xuất của dân sở tại.

- Đối với vùng có khả năng về nguồn nước được nghiên cứu xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống thủy lợi như hồ, đập, kênh mương, trạm bơm.... Hệ thống kênh mương (nếu có) phải xây dựng theo hướng cứng hóa, bảo đảm bền vững, ít chiếm đất và giảm tổn thất nước.

- Đối với vùng không có điều kiện xây dựng hệ thống thủy lợi để khai thác nguồn nước mặt thì cần nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống khai thác nước ngầm và dự trữ nước mưa.

b) Giao thông nội đồng:

Hệ thống đường giao thông nội đồng được quy hoạch và xây dựng phù hợp với quy hoạch sản xuất chung của vùng.

c) Giao thông khu dân cư:

Phạm vi: điểm tái định cư được xây dựng đường nội bộ và đường nối từ điểm tái định cư với đường vào trung tâm xã. Hệ thống đường giao thông khu tái định cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch giao thông chung của địa phương, cụ thể:

- Đường nội bộ trong điểm tái định cư được xây dựng theo tiêu chuẩn đường loại B giao thông nông thôn.

- Đường nối các điểm tái định cư, khu tái định cư với đường vào trung tâm xã được xây dựng theo tiêu chuẩn loại A giao thông nông thôn có mặt đá gia công chất kết dính láng nhựa.

- Đường nối điểm tái định cư, khu tái định cư với đường vào trung tâm xã đồng thời là đường nối các xã được xây dựng theo tiêu chuẩn TCVN-4054 với cấp kỹ thuật 20, mặt đá dăm láng nhựa.

- Đối với những vùng ven hồ có đường giao thông chính là đường thủy thì được xem xét xây dựng bến đò.

d) Cấp, thoát nước sinh hoạt:

- Nước sinh hoạt được cấp theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế cấp nước TCXD 33-1985 và các chỉ tiêu chất lượng đối với nước sinh hoạt.

Nếu là hệ thống nước tự chảy, tùy theo lượng nước nguồn và địa hình có thể chọn phương án cấp nước bằng đường ống tới từng hộ hoặc tới các điểm cấp nước công cộng cho 5 - 10 hộ.

Nếu khu tái định cư không có điểm cấp nước chung bằng đường ống thì cứ 4 - 5 hộ được đầu tư một giếng khoan kèm theo một máy bơm tay cùng hệ thống bể lắng, bể lọc. Nếu việc sử dụng giếng đào đạt tiêu chuẩn về chất lượng thì đầu tư mỗi hộ một giếng đào.

Mỗi hộ được xây dựng một bể trữ nước ăn có dung tích từ 2 m³ - 5 m³ tùy theo nhân khẩu trong hộ và yêu cầu dự trữ nước ăn, sân bể, rãnh thoát nước.

đ) Cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất:

- Về điện sinh hoạt: đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp, điện sinh hoạt cấp đến đầu nhà từng hộ tái định cư.

Đối với công trình công cộng: phụ tải đầu vào được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cụ thể của công trình.

Đối với những điểm chưa có điện lưới quốc gia thì sẽ được đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho từng hộ dân tái định cư theo tiêu chuẩn như trên.

- Về điện sản xuất: được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cho từng hộ tái định cư.

e) Thoát nước và môi trường:

- Hệ thống thoát nước cho điểm tái định cư được tính chung cho việc thoát nước mưa và nước sinh hoạt bằng hệ thống rãnh hở, bố trí dọc đường giao thông. Riêng rãnh thoát nước trong phạm vi khu dân cư là rãnh xây, hở.

- Các công trình vệ sinh, chuồng trại

chăn nuôi phải cách ly khu nhà ở, nguồn nước theo quy định.

g) Khu nghĩa địa, nghĩa trang:

Tại khu tái định cư được xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa địa, nghĩa trang hiện có phù hợp với quy hoạch của địa phương.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khu tái định cư tập trung tại đô thị:

a) Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khu tái định cư tập trung tại đô thị thực hiện theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch khu tái định cư đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy mô, kết cấu, loại công trình và mức vốn đầu tư xây dựng công trình được áp dụng theo quy định tại Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 18 của Quy định này.

Trường hợp các công trình cơ sở hạ tầng và công trình công cộng có quy mô, kết cấu và mức vốn đầu tư vượt so với quy định tại Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 18 của Quy định này thì phần vốn đầu tư tăng thêm đó phải sử dụng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng phát triển đô thị do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 19. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng điểm tái định cư xen ghép

Các xã tự nguyện tiếp nhận dân tái định cư đến ở xen ghép vào cộng đồng

dân cư của mình được hỗ trợ kinh phí để cải tạo, mở rộng, nâng cấp công trình công cộng, cơ sở hạ tầng của xã do ảnh hưởng của việc tăng dân cư trên địa bàn. Mức kinh phí hỗ trợ là 10 triệu đồng/khẩu tái định cư hợp pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc hỗ trợ này.

Điều 20. Quản lý và bàn giao khu tái định cư

Toàn bộ các công trình thuộc khu tái định cư sau khi xây dựng xong được bàn giao cho các tổ chức, hộ gia đình và địa phương tự quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 21. Quy định khác

Hộ tái định cư được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hữu nhà và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 22. Hỗ trợ di chuyển

1. Hỗ trợ di chuyển người, tài sản của hộ tái định cư và tổ chức phải di chuyển.

Đối với nhà cửa, vật kiến trúc, công trình công cộng: hỗ trợ di chuyển đối với các công trình, hạng mục có thể tháo dỡ và lắp đặt lại được hoặc các vật liệu còn sử dụng được.

2. Đối với các hộ tái định cư di chuyển đến điểm tái định cư.

Hỗ trợ kinh phí bốc xếp, vận chuyển đồ đạc, tài sản từ nơi ở cũ đến điểm tái định cư.

Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ bằng cách bố trí xe để vận chuyển cho hộ hoặc khoán tiền để hộ tự thuê xe vận chuyển.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc hỗ trợ di chuyển theo các hình thức nêu trên.

3. Đối với các hộ tự nguyện di chuyển:

Mức hỗ trợ bao gồm kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến và kinh phí di chuyển.

a) Kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến bao gồm tiền tàu xe đi lại (một lượt đi, một lượt về), tiền ăn và ngủ nhà trọ.

b) Mức hỗ trợ cho hộ tự nguyện di chuyển:

- Di chuyển trong nội tỉnh: hỗ trợ bằng chi phí thuê xe tải loại trọng tải 5 tấn từ nơi đi đến nơi ở mới; với hộ độc thân tính cho 1 chuyến xe, hộ từ 2 người trở lên tính cho 2 chuyến xe.

- Di chuyển ngoài tỉnh: mức hỗ trợ di chuyển xác định theo cự ly di chuyển, mức hỗ trợ tối đa: di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Bắc là 4 triệu đồng/hộ, di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Trung là 5 triệu đồng/hộ, di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Nam là 6 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Điều kiện được nhận hỗ trợ di chuyển: hộ tái định cư tự di chuyển có đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 10 của Quy định này thì được nhận hỗ trợ di chuyển

4. Hỗ trợ di chuyển đối với tổ chức:

Hỗ trợ di chuyển đối với tổ chức theo dự toán di chuyển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ di chuyển mồ mả: hỗ trợ di chuyển mồ mả cho các đối tượng nằm trong vùng phải di chuyển, gồm các chi phí: đào, bốc, di chuyển đến nơi mới, chi phí về đất đai, xây dựng lại và các chi phí khác theo phong tục tập quán của từng dân tộc tại thời điểm di chuyển. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 23. Hỗ trợ đời sống

1. Hỗ trợ lương thực:

a) Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư được hỗ trợ lương thực bằng tiền có giá trị tương đương 20 kg gạo/người/tháng trong 02 năm. Giá gạo tính theo giá gạo tẻ trung bình tại địa phương ở thời điểm hỗ trợ.

b) Hộ không phải di chuyển: hộ không bị thu hồi đất ở nhưng bị thu hồi đất sản xuất nếu được giao đất mới thì tùy theo diện tích đất bị thu hồi, mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ được hỗ trợ lương thực bằng tiền. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào diện tích đất bị thu hồi để quy định cụ thể về mức và thời gian hỗ trợ. Mức

tối đa không quá 20 kg gạo/người/tháng với thời gian không quá hai năm (đối với hộ bị thu hồi 100% đất sản xuất). Giá gạo tính theo giá gạo tẻ trung bình tại địa phương ở thời điểm hỗ trợ.

2. Hỗ trợ y tế: hộ tái định cư được hỗ trợ về y tế để phòng, chống dịch bệnh tại nơi ở mới. Mức hỗ trợ là 100.000 đồng/hộ, cấp một lần.

3. Hỗ trợ giáo dục: học sinh phổ thông các cấp thuộc hộ tái định cư được cấp 1 bộ sách giáo khoa theo giá quy định của nhà nước và miễn tiền học trong năm học đầu tiên ở nơi mới; miễn tiền đóng góp xây dựng trường trong 03 năm học liên tục tính từ khi bắt đầu học tập tại nơi ở mới.

4. Hỗ trợ tiền sử dụng điện: hộ tái định cư được hỗ trợ tiền sử dụng điện hoặc dầu thắp sáng (với nơi chưa có điện) trong 1 năm đầu kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới. Mức hỗ trợ là 10.000 đồng/người/tháng.

5. Hỗ trợ chất đốt: đối với khu tái định cư có khó khăn về chất đốt, được hỗ trợ về chất đốt trong 1 năm đầu; mức hỗ trợ 10.000 đồng/người/tháng.

Điều 24. Hỗ trợ sản xuất

1. Hộ tái định cư di chuyển đến điểm tái định cư, hộ sở tại bị mất đất sản xuất thì được hỗ trợ để đầu tư sản xuất.

2. Hỗ trợ sản xuất đối với hộ tái định cư.

a) Hỗ trợ trông trọt:

- Hỗ trợ đầu tư khai hoang, cải tạo phục hồi đất, xây dựng nương định canh.

- Đối với cây hàng năm, kể cả trồng cỏ: hỗ trợ năm đầu 100% về giống, phân bón vô cơ, thuốc trừ sâu, công trồng, chăm sóc theo quy trình kỹ thuật của từng loại cây trồng.

- Đối với cây lâu năm, cây công nghiệp: trong 03 năm đầu được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư, bao gồm: giống, công trồng, công chăm sóc, phân bón, thuốc trừ sâu.

Mức đầu tư hỗ trợ nêu trên tính theo mức diện tích đất được giao tại điểm tái định cư.

b) Hỗ trợ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản:

- Chăn nuôi đại gia súc: được hỗ trợ chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi và mua giống: hộ nuôi bò sữa là 25%, hộ nuôi gia súc thịt hoặc làm sức kéo là 50%. Hỗ trợ dịch vụ thú y, phòng dịch, thụ tinh nhân tạo trong 03 năm đầu. Số lượng con vật nuôi được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm khác: mức hỗ trợ tương đương với trồng cây hàng năm.

- Nuôi trồng thủy sản: tùy theo hình thức, quy mô nuôi trồng thủy sản mức hỗ trợ tối đa như hỗ trợ chăn nuôi đại gia súc.

c) Hỗ trợ trồng rừng sản xuất:

Hỗ trợ đầu tư khai hoang, cải tạo phục hồi đất, giống, phân bón, công trồng,

chăm sóc, mức hỗ trợ tối đa không quá 4 triệu đồng/ha.

d) Hỗ trợ đánh bắt cá: hỗ trợ để mua các công cụ, dụng cụ đánh bắt cá tối đa không quá 2,5 triệu đồng/hộ.

đ) Hỗ trợ kinh phí khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư dành cho tập huấn, chuyển giao kỹ thuật. Mức hỗ trợ theo dự toán được duyệt. Kinh phí hỗ trợ theo phương thức chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đó.

3. Hỗ trợ sản xuất đối với hộ dân sở tại bị ảnh hưởng:

Căn cứ diện tích đất sản xuất bị thu hồi của hộ sở tại để giao cho hộ tái định cư, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất cho hộ sở tại, mức hỗ trợ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ hộ tái định cư.

Điều 25. Hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, mua sắm phương tiện lao động

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo cho lao động nông nghiệp, lao động tại đô thị khi chuyển đến khu tái định cư phải chuyển sang làm nghề phi nông nghiệp: mức chi cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc theo dự toán của các tổ chức đào tạo tại địa phương. Chi phí đào tạo được chuyển cho người lao động hoặc tổ chức đào tạo. Các đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề là nhân khẩu hợp pháp, phải làm đơn đề nghị có xác

nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi tái định cư và xác nhận của Ban Quản lý dự án di dân.

Người được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi sang ngành nghề phi nông nghiệp thì không được nhận phần đất sản xuất nông nghiệp.

2. Hỗ trợ kinh phí cho lao động chuyển nghề mới sau khi đào tạo để mua sắm công cụ lao động làm nghề mới. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/lao động và được hỗ trợ một lần. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 26. Hỗ trợ gia đình chính sách

Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 07/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 3 năm 2000 phải di chuyển được hỗ trợ một lần là 1 triệu đồng/người hưởng trợ cấp.

Điều 27. Hỗ trợ hộ tự nguyện di chuyển

Các hộ tự nguyện di chuyển ngoài điểm tái định cư được hỗ trợ 5 triệu đồng/người (hỗ trợ 1 lần). Hỗ trợ này thay thế cho các hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi ngành nghề, tiền sử dụng điện, chất đốt, y tế, giáo dục và hưởng lợi từ các công trình công cộng tại điểm tái định cư.

Điều 28. Hỗ trợ thôn, bản bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La

1. Đối với thôn, bản không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình công cộng thì được xem xét đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới, đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân.

2. Đầu tư khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích đất sản xuất để tăng thêm quỹ đất bồi thường cho các hộ bị mất đất sản xuất.

Điều 29. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ cơ sở cho cộng đồng dân cư ở điểm tái định cư không quá 3 triệu đồng/người và chỉ hỗ trợ một lần theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho tổ chức nhà nước thực hiện đào tạo.

2. Hỗ trợ chi phí hồ sơ điều chỉnh quản lý đất đai không quá 300.000 đồng/hộ theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai.

3. Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới: mức hỗ trợ là 300.000 đồng/hộ (hỗ trợ 1 lần).

4. Khuyến khích di chuyển theo tiến độ: các hộ di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng Bồi thường được thưởng tiền tối đa không quá 5 triệu đồng/hộ (thưởng 1 lần).

5. Hộ dân sở tại không phải di chuyển bị mất đất sản xuất được hỗ trợ tám lạng, chi phí lán nền và xây dựng công trình phụ, điện, nước như hộ tái định cư.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Tổ chức bồi thường thiệt hại

1. Huyện có dân phải di chuyển thành lập Hội đồng Bồi thường di dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Chủ tịch Hội đồng.

Thành phần Hội đồng, nhiệm vụ của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ.

2. Huyện có dân đến tái định cư: tùy theo quy mô tiếp nhận dân tái định cư (kể cả tái định cư xen ghép), giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Ban Quản lý dự án tái định cư huyện thuộc Ban Quản lý dự án bồi thường di dân, tái định cư tỉnh hoặc trực thuộc huyện để thực hiện quản lý trực tiếp dự án tái định cư tại địa phương. Căn cứ tình hình cụ thể của huyện, Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Tái định cư cấp xã.

3. Trình tự thực hiện bồi thường, trách nhiệm của các ngành, các cấp của tỉnh trong việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường di dân và tái định cư thực hiện theo quy định hiện hành.

Căn cứ tình hình cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quy định này. Chỉ đạo xây dựng khu tái định cư tập trung hoặc xen ghép trên địa bàn tỉnh. Bố trí kế hoạch bồi thường, di dân, tái định cư hàng năm.

Việc xây dựng khu tái định cư phải thực hiện theo quy hoạch và dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành có liên quan thuộc tỉnh thực hiện bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư theo đúng Quy định này; tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách về di dân tái định cư nhằm giải phóng mặt bằng đúng tiến độ cho việc thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

Điều 32. Trách nhiệm của các Bộ ngành

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định quy hoạch tổng thể và các dự án nhóm A về bồi thường, di dân, tái định cư thuộc dự án thủy điện Sơn La; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định hiện hành của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế tại vùng tái định cư dự án thủy điện Sơn La; trước hết là chính sách khuyến

khích đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất tại vùng tái định cư.

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát và đánh giá đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tổng hợp và cân đối kế hoạch vốn đầu tư về bồi thường, di dân tái định cư theo tiến độ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bộ Tài chính:

- Chủ trì xây dựng chính sách quản lý, cấp vốn và thanh toán vốn bồi thường, di dân tái định cư. Thống nhất quản lý nguồn vốn ngân sách, vốn của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

- Tham gia về chính sách, chế độ bồi thường, di dân tái định cư của các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối, đảm bảo vốn và hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc cấp vốn đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

3. Bộ Xây dựng:

Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn, khu đô thị; quy hoạch xây dựng nhà ở và xây dựng nông thôn mới; về tiêu chuẩn, định mức, dự toán xây dựng các công trình trong khu tái định cư.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo xây dựng quy hoạch và kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư.

- Chỉ đạo quy hoạch, hướng dẫn các tỉnh trong việc bố trí sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm vùng tái định cư.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, định mức để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đối với vùng tái định cư.

- Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện bồi thường, di dân và tái định cư thuộc dự án thủy điện Sơn La.

5. Bộ Công nghiệp:

- Xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở vùng tái định cư.

- Tham gia chỉ đạo xây dựng tổng tiến độ di dân, tái định cư phù hợp với tổng tiến độ xây dựng dự án thủy điện Sơn La.

6. Ủy ban Dân tộc:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc tại vùng tái định cư, tuyên truyền vận động đồng bào thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước; tham gia ý kiến về các quy hoạch tái định cư phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách về quy hoạch và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước; tham gia ý kiến về các quy hoạch tái định cư phù hợp với chính sách của Nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường.

8. Tổng công ty Điện lực Việt Nam:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu trong việc xây dựng dự án quy hoạch tổng thể và kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư.

- Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời cho công tác bồi thường, di dân tái định cư.

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu về tiến độ xây dựng dự án thủy điện Sơn La.

Điều 33. Trách nhiệm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này.

- Cùng với các tổ chức, chính quyền sở tại tham gia giám sát việc thực hiện công tác bồi thường, di dân tái định cư.

Điều 34. Bổ sung, sửa đổi Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, có những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Ủy ban nhân dân các tỉnh:

Sơn La, Điện Biên, Lai Châu đề xuất, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CÁC BỘ**BỘ TÀI CHÍNH**

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 45/2004/QĐ-BTC ngày 06/5/2004 về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng **clanhke**.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Biểu thuế theo Danh mục nhóm